TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Cẩm Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Tuân,
2. Bà Vũ Thị May.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1985. Đăng ký hộ khẩu: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện trú tại: Số 156, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1985. Đăng ký hộ khẩu và trú tại: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã T- huyện G- tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm giữa chị và anh T không hòa hợp, anh T

không chịu khó làm việc, nay làm mai nghỉ, không giúp đỡ chị việc nhà, một mình chị đi làm phải gánh vác mọi việc trong gia đình và thường bị anh T nói nặng lời. Khi vợ chồng lời qua tiếng lại thì anh T đánh chị, có lần bị chảy máu. Dần dần chị không còn muốn quay về nhà mỗi khi hết giờ làm việc. Anh T không quan tâm đến chị ngay cả khi chị đang mang thai. Từ đó, cuộc sống chung của vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc, vợ chồng thường cãi nhau, không tin tưởng nhau. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 2/2018 cho đến nay. Chị nhận thấy chị và anh T không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Bùi Kim K, sinh ngày 23/4/2015 và Bùi Minh Kh, sinh ngày 02/01/2017. Hiện cháu K đang ở cùng anh T, cháu Kh đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Kh còn anh T tiếp tục nuôi cháu K. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/6/2018, bị đơn anh T trình bày:

- Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị V trình bày là đúng. Anh T không nhất trí ly hôn và cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống anh và chị V có xảy ra xô xát nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Có lần anh tát chị V là do chị V nói với anh không có chủ ngữ, thể hiện thái độ không tôn trọng anh, chị V tự ý lấy tiền của vợ chồng mà không nói với anh. Anh và chị V đã không còn sống chung với nhau từ tháng 2/2018. Bản thân anh nhiều lần lên chỗ chị V ở và nói chuyện với gia đình chị V mong chị V suy nghĩ lại và về đoàn tụ cùng anh nhưng chị V không đồng ý. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm, vẫn yêu thương chị V nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị V trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị nếu vợ chồng anh ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi cháu K còn chị V tiếp tục nuôi cháu Kh để cuộc sống của các con ổn định. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương và những người thân của chị V, anh T đều thể hiện nội dung: Anh T và chị V kết hôn từ năm 2012 đến nay đã có hai con chung. Thời gian anh chị sống ở thôn T, xã T, huyện G rất ít. Anh chị chỉ về sống cùng bố mẹ anh T vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết hoặc khi chị V nghỉ chế độ thai sản sau đó anh chị lại lên thành phố H sinh sống, làm việc. Địa phương và gia đình không biết nguyên nhân lý do mâu thuẫn giữa anh chị là gì nhưng từ tháng 2/2018 anh T và chị V không còn sống cùng nhau. Chị V và cháu Kh sống ở thành

phố H còn anh T sống cùng bố mẹ anh tại thôn T, xã T, huyện G. Gia đình hai bên đã khuyên giải song quan hệ tình cảm vợ chồng anh chị không được cải thiện. Nay chị V xin ly hôn anh T, địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành còn bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh Kh, anh Bùi Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Kim K. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn T, trú tại thôn T- xã T- huyện G- tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt, không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn và người làm chứng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T và những người làm chứng tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T- huyện G- tỉnh Hải Dương ngày 09/11/2012 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do tính cách hai bên không hòa hợp, không có lòng tin đối với nhau nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 2/2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, thậm chí anh T còn có hành động vô lễ đánh bố chị V chỉ vì mâu thuẫn của hai vợ chồng. Nay chị V xin ly

hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh T chỉ có mặt làm việc tại Tòa án một lần thể hiện quan điểm không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, còn những buổi sau anh T đều không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện anh T bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, bản thân anh không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng và cố tình gây khó khăn cho cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị V và anh T không có hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V, xử cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị V có hai con chung là Bùi Kim K, sinh ngày 23/4/2015 và Bùi Minh Kh, sinh ngày 02/01/2017. Cháu K đang ở cùng anh T còn cháu Kh đang ở cùng chị V.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị V và anh T thống nhất nếu vợ chồng ly hôn thì anh T tiếp tục nuôi cháu K còn chị V tiếp tục nuôi cháu Kh đến khi các con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của anh T và chị V là tự nguyện, phù hợp với thực tế nên để đảm bảo cho cuộc sống của các con chung được ổn định cần chấp nhận nguyện vọng của chị V và anh T, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Minh Kh, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Nguyễn Thị V; giao con chung Bùi Kim K, sinh ngày 23/4/2015 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cho nhau.

Chị V và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0002952 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã T, huyện Gia Lộc để ghi vào Sổ hộ tịch.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Cẩm Vân